

# ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG

## ASSESSMENT OF THE REALITY OF PHYSICAL EDUCATION WORK AT PHAM VAN DONG UNIVERSITY

ThS Nguyễn Hoàng Duy, ThS. Nguyễn Văn Trương, ThS. Nguyễn Ngọc Cang  
Khoa GDTC-QPAN, Trường Đại học Phạm Văn Đồng

**Tóm tắt:** Nghiên cứu đã tiến hành xây dựng thang đo để đo lường đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất. Bằng các bước phân tích, xử lý và kiểm định độ tin cậy bằng phần mềm SPSS, chúng tôi đã áp dụng thang đo này để khảo sát, đánh giá của sinh viên về thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng.

**Từ khóa:** Đánh giá, giáo dục thể chất, thang đo, khảo sát, sinh viên.

**Abstract:** Research has built a scale to measure and evaluate the performance of physical education work. By the steps of analysis, processing and reliability testing using SPSS software, we have applied this scale to survey and evaluate student's performance of physical education work at Pham Van Dong University.

**Keywords:** Evaluate, physical education, the scale, survey, student.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Phạm Văn Đồng (ĐHPVĐ) là cơ sở công lập đào tạo đa ngành, đa phương thức, để thực hiện thắng lợi mục tiêu đào tạo của nhà trường, công tác giáo dục thể chất luôn được nhà trường chú trọng. Tuy nhiên trong thực tế công tác giáo dục thể chất (GDTC) tại trường còn nhiều hạn chế, nhận thức của sinh viên về vai trò, tác dụng của thể dục thể thao (TDTT) chưa đầy đủ. Chính vì vậy nên việc xác định thông tin chính xác về thực trạng công tác giáo dục thể chất và những trở ngại, khó khăn của sinh viên khi học tập môn học GDTC tại Trường ĐHPVĐ là việc làm vô cùng quan trọng và rất cần thiết. Đây là tiền đề quan trọng để từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho sinh viên, góp phần giáo dục con người toàn diện, tạo ra lực lượng lao động có trình độ cao. Xuất phát từ thực tế đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu về: "*Đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng*".

Mục đích nghiên cứu: Thông qua kết quả phân tích về thực trạng, khảo sát của sinh viên về chất lượng công tác giáo dục thể chất tại

Trường ĐHPVĐ để có một cái nhìn tổng thể về thực trạng chất lượng GDTC tại trường. Từ đó, bằng cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất đưa ra các giải pháp phù hợp góp phần nâng cao chất lượng GDTC tại trường cũng như thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục của Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình nghiên cứu đề tài sử dụng những phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp toán học thống kê.

### 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Thực trạng công tác Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng

Chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng công tác GDTC tại Trường ĐHPVĐ qua các điều kiện đảm bảo (về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, chương trình, sự quan tâm của Ban giám hiệu); đánh giá của sinh viên về chất lượng công tác GDTC.

##### 2.1.1. Thực trạng về cơ sở vật chất

Kết quả thống kê cơ sở vật chất của Trường ĐHPVĐ được trình bày tại bảng 1.

**Bảng 1. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác GDTC tại Trường ĐHPVĐ**

Cơ sở vật chất	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )
Sân bóng đá	2	1.500
Sân bóng chuyền	2	324
Sân bóng rổ	1	300
Sân cầu lông (nhà đa năng)	4	600
Sân bóng ném	0	0
Bàn bóng bàn	6	150
Đường chạy điền kinh	1	350
Khu vực đẩy tạ	1	40
Hố nhảy cao, nhảy xa	2	200
Xà đơn, xà kép, xà lệch	4	40
Bể bơi	0	0
Khác	0	0
Tổng diện tích sân bãi tập luyện		3.504
Tổng số sinh viên chính quy Trường ĐHPVĐ		1.992 SV
Tỷ lệ m <sup>2</sup> /SV Trường ĐH Phạm Văn Đồng		1.759 m <sup>2</sup> /SV

Số liệu tại bảng 1 cho thấy diện tích sân bãi của trường cơ bản đáp ứng được nhu cầu giảng dạy GDTC và hoạt động TDTT cho sinh viên; tuy nhiên về chất lượng còn hạn chế, một số công trình và thiết bị tập luyện đã xuống cấp và hư hỏng. Thực trạng trên cho thấy cần phải có kế hoạch cải tạo, xây dựng mới sân bãi để

nâng cao chất lượng công tác GDTC tại Trường ĐHPVĐ.

### 2.1.2. Thực trạng về đội ngũ giảng viên

Kết quả thống kê về đội ngũ giảng viên giảng dạy GDTC của trường Trường ĐHPVĐ được trình bày tại bảng 2.

**Bảng 2. Thực trạng về đội ngũ giảng viên giảng dạy GDTC tại Trường ĐHPVĐ**

TT	Nội dung khảo sát	Số lượng (Frequency)	Tỷ lệ (%) (Percent)	
1	Giới tính	Nam	9	90.00
		Nữ	1	10.00
		Tổng số	10	100.00
2	Độ tuổi	Dưới 30 tuổi	0	0.00
		Từ 30 đến 40 tuổi	7	70.00
		Từ 41 đến 50 tuổi	2	20.00
		Trên 50 tuổi	1	10.00
		Tổng số	10	100.00
3	Trình độ chuyên môn	Cử nhân	0	0.00
		Thạc sĩ	10	100.00
		Tiến sĩ	0	0.00
		Tổng số	10	100.00
4	Chuyên môn đào tạo	Giáo dục thể chất	9	90.00
		Huấn luyện thể thao	0	0.00
		Quản lý thể thao	1	10.00

TT	Nội dung khảo sát		Số lượng (Frequency)	Tỷ lệ (%) (Percent)
		Y sinh học TDDT	0	0.00
		Tổng số	10	100.00
5	Nội dung giảng dạy	Phù hợp	10	100.00
		Không phù hợp	0	0.00
		Tổng số	10	100.00
6	Thâm niên giảng dạy	Dưới 5 năm	0	0.00
		Từ 6 – 10 năm	2	20.00
		Từ 11 – 15 năm	5	50.00
		Trên 15 năm	3	30.00
		Tổng số	10	100.00
7	Tổng số SV chính quy ĐH Phạm Văn Đồng		1.992	
8	Tỷ lệ sinh viên/GV GDTC		199.2	

Về trình độ chuyên môn của giảng viên GDTC Trường ĐHPVĐ có 10 thạc sĩ chiếm 100%, không có tiến sĩ và cử nhân. Kết quả khảo sát cho thấy trình độ chuyên môn giảng viên GDTC Trường Đại học Phạm Văn Đồng đáp ứng yêu cầu; tuy nhiên với sự phát triển của trường trong tương lai các giảng viên cần phải đi học để nâng cao trình độ.

Về độ tuổi của giảng viên như sau: Cao nhất là từ 30 đến 40 tuổi (chiếm 70.00%), kế đến là 41 đến 50 tuổi (chiếm 20.00%), trên 50 tuổi (chiếm 10.00%) và không có độ tuổi dưới 30.

Tương tự như độ tuổi thì thâm niên giảng dạy chia tương đối, cao nhất là thâm niên từ 11 – 15 năm chiếm 50.00%, tiếp đến là trên 15 năm chiếm 30.00%, và thâm niên từ 6 – 10 năm chiếm 20.00%, không có giảng viên thâm niên dưới 5 năm.

Về chuyên môn đào tạo thì đa số giảng viên được đào tạo là chuyên ngành giáo dục thể chất chiếm 90.00%, còn lại là chuyên ngành quản lý thể thao chiếm 10.00%.

Về nội dung giảng dạy 100% giảng viên được khảo sát đều nhận định là phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

### 2.1.3. Thực trạng về chương trình giảng dạy

Về chương trình giáo dục thể chất bậc đại học: có 03 học phần với 90 tiết (bắt buộc)

Chương trình GDTC 1 (học phần bắt buộc): 30 tiết (28 tiết thực hành: nghi thức lên lớp giảng

dạy kỹ thuật thực hành các bài tập thể chất, đội hình đội ngũ, bài thể dục phát triển chung, bài nhảy dây ngắn, bài thể dục liên hoàn 72 động tác và 02 tiết kiểm tra định kỳ).

Chương trình GDTC 2 (học phần bắt buộc): 30 tiết bóng chuyền (28 tiết thực hành: kỹ thuật bóng chuyền, chiến thuật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài và 02 tiết kiểm tra).

Chương trình GDTC 3 (học phần bắt buộc): 30 tiết cầu lông (28 tiết thực hành: nguyên lý kỹ thuật cơ bản, chiến thuật cầu lông và 02 tiết kiểm tra định kỳ).

Về chương trình GDTC bậc cao đẳng sư phạm: có 03 học phần với 90 tiết (bắt buộc)

Chương trình GDTC 1: 30 tiết (28 tiết thực hành: nghi thức lên lớp giảng dạy kỹ thuật thực hành các bài tập thể chất, đội hình đội ngũ, bài thể dục phát triển chung, kỹ thuật chạy cự ly ngắn, bài nhảy dây ngắn và 02 tiết kiểm tra định kỳ).

Chương trình GDTC 2: 30 tiết cầu lông (28 tiết thực hành và 02 tiết kiểm tra định kỳ).

Chương trình GDTC 3: 30 tiết bóng chuyền (28 tiết thực hành và 02 tiết kiểm tra).

Chương trình GDTC cho sinh viên chính quy Trường ĐHPVĐ gồm 3 học phần với 90 tiết; được giảng dạy vào 3 học kỳ (Học kỳ 1, 2 của năm thứ nhất và kỳ 1 của năm học thứ hai). Việc không có học phần tự chọn làm giảm đi sự hứng thú, ảnh hưởng đến sự lựa chọn, sở thích và phát triển năng khiếu của các em sinh viên. Vì vậy để

nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng GDTC nói riêng cho SV Trường ĐHPVĐ, đòi hỏi cần phải cải tiến chương trình

GDTC nội khóa, tăng số tiết môn học GDTC ở hệ Đại học và đưa vào những môn thể thao cho SV lựa chọn.

**Bảng 3. Thực trạng về chương trình tập luyện ngoại khóa GDTC tại Trường ĐHPVĐ**

Nội dung	Môn thể thao	Đội tuyển	Câu lạc bộ
<b>Tập luyện TDTT ngoại khóa</b> ( <i>X* có người hướng dẫn</i> )	Bóng chuyền	X*	X
	Bóng đá	X*	X
	Bóng bàn		
	Bóng rổ		X
	Cầu lông	X*	X*
	Võ thuật		X
<b>Tổ chức hội thao sinh viên cấp trường</b>	Mật độ	1 năm 1 lần	
	Đơn vị đảm trách	Đoàn TN + Khoa GDTC-QPAN	

Số liệu tại bảng 3 cho thấy: Về chương trình tập luyện ngoại khóa chỉ dành cho các đội tuyển TDTT của trường chuẩn bị thi đấu giải và có huấn luyện viên hướng dẫn, còn các CLB sinh hoạt chủ yếu là tự phát và không có người hướng dẫn.

## **2.2. Đánh giá của sinh viên về công tác giáo dục thể chất**

### **2.2.1. Đánh giá của sinh viên về công tác giáo dục thể chất**

#### **Bước 1: Dự thảo mẫu phiếu hỏi sơ bộ ban đầu**

Đề tài đã xây dựng sơ bộ phiếu hỏi ban đầu (dành cho sinh viên), xin ý kiến 11 chuyên gia (02 là cán bộ quản lý của Khoa GDTC-QPAN trường; 08 giảng viên GDTC và 01 chuyên gia GDTC) nhằm xem xét cấu trúc, hình thức, nội dung, mục đích của mẫu phiếu phỏng vấn để đóng góp, bổ sung ý kiến cho việc kiểm định

thang đo thực trạng và những khó khăn trở ngại ảnh hưởng đến việc học tập GDTC.

#### **Bước 2: Điều chỉnh mẫu phiếu hỏi thang đo và xác định hình thức trả lời**

Thông qua kết quả khảo sát và ý kiến bổ sung của các chuyên gia chúng tôi điều chỉnh lại các câu hỏi cho phù hợp và tiến hành thu thập dữ liệu xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0, chúng tôi áp dụng hình thức trả lời theo thang đo Likert 5 mức độ để tiến hành khảo sát trên 252 sinh viên Trường ĐHPVĐ đã học xong chương trình GDTC.

#### **Bước 3: Kiểm định độ tin cậy của phiếu hỏi (thực hiện 3 lần xoay nhân tố)**

Sau khi các nội dung của phiếu phỏng vấn đã hoàn chỉnh đề tài tiến hành khảo sát trên 252 sinh viên Trường ĐHPVĐ. Kết quả thống kê được trình bày tại bảng 4.

**Bảng 4. Kết quả phỏng vấn SV Trường ĐHPVĐ đánh giá thực trạng công tác GDTC (n=252)**

TT	Công tác giáo dục thể chất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
	<b>Về chương trình giáo dục thể chất chính khóa</b>	<b>2,65</b>	
1	Cung cấp các kiến thức về GDTC, phương pháp tập luyện TDDT	2,51	0,60
2	Trang bị kỹ thuật các môn thể thao	2,62	0,52
3	Nâng cao sức khỏe (thể lực)	3,03	0,65
4	Đa dạng, phong phú	2,42	0,52
5	Mật độ vận động trong giờ học	2,56	0,56
6	Thời lượng chương trình (tổng số tiết)	2,47	0,45
7	Phân bổ số tiết ở mỗi học kỳ	2,95	0,65
	<b>Giáo dục thể chất ngoại khóa</b>	<b>2,39</b>	
8	Nội dung chương trình	2,36	0,64
9	Hình thức tổ chức hoạt động	2,52	0,58
10	Phong trào TDDT của nhà trường	2,30	0,65
	<b>Về cơ sở vật chất, trang thiết bị</b>	<b>3,09</b>	
11	Số lượng sân bãi	3,31	0,48
12	Chất lượng sân bãi	3,02	0,49
13	Vệ sinh và an toàn của sân bãi	3,01	0,53
14	Số lượng trang thiết bị, dụng cụ	3,07	0,52
15	Chất lượng trang thiết bị, dụng cụ	3,04	0,52
	<b>Về đội ngũ giảng viên</b>	<b>3,45</b>	
16	Phương pháp giảng dạy của giảng viên	3,41	0,52
17	Trình độ của giảng viên	3,49	0,48
18	Nhiệm vụ sư phạm của giảng viên	3,46	0,51

Số liệu tại bảng 4 cho thấy: sinh viên đánh giá chương trình ngoại khóa thấp nhất với (trung bình = 2,39) tiếp đến là chương trình GDTC chính khóa (trung bình = 2,65) mức giữa trung bình và yếu; sinh viên đánh giá cao nhất về đội ngũ giảng viên (trung bình = 3,45) và cơ sở vật chất (trung bình = 3,09) giữa mức trung bình và khá. Trong tất cả các mục hỏi được khảo sát thì mục phong trào TDDT của

nhà trường được sinh viên đánh giá thấp nhất (trung bình = 2,30) gần mức yếu và cao nhất là mục hỏi trình độ giảng viên (trung bình = 3,49) giữa mức trung bình và mức khá.

### 2.2.2. Những khó khăn, trở ngại về học phần giáo dục thể chất qua khảo sát sinh viên

Kết quả thống kê những trở ngại, khó khăn của sinh viên khi học GDTC, kết quả như sau:

**Bảng 5. Kết quả khảo sát về những trở ngại, khó khăn của SV khi học GDTC (n=252)**

	Trở ngại, khó khăn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
	<b>Về các điều kiện đảm bảo cho công tác GDTC</b>	<b>4,23</b>	
1	Nội dung chương trình không đa dạng, hấp dẫn; Giờ học thiếu hứng thú, mật độ vận động chưa cao	4,23	.592
	<b>Về bản thân sinh viên</b>	<b>2,58</b>	

	Trở ngại, khó khăn	Trung bình	Độ lệch chuẩn
2	Không thích tham gia các hoạt động TDTT	2,23	.424
3	Không đủ sức khỏe	1,45	.496
4	Sợ đau hoặc mắc phải chấn thương	3,41	.498
5	Không có kinh phí	3,23	.617

Kết quả khảo sát về trở ngại, khó khăn cho thấy: Về các điều kiện đảm bảo được sinh viên đánh giá trên mức ảnh hưởng (trung bình = 4,23); về bản thân SV được đánh giá ở mức không ảnh hưởng đến bình thường (trung bình = 2,58); trong đó hai mục hỏi sợ đau hoặc mắc phải chấn thương và không có kinh phí được SV đánh giá mức trên trung bình; còn hai mục hỏi không đủ sức khỏe (trung bình = 1,45) gần mức không ảnh hưởng và không thích tham gia hoạt động TDTT được đánh giá gần mức không ảnh hưởng (trung bình = 2,23).

### 3. KẾT LUẬN

1. Đề tài đã đánh giá thực trạng các điều kiện đảm bảo về công tác GDTC, xây dựng được thang đo (bảng hỏi) về thực trạng công tác GDTC tại trường ĐHPVĐ gồm: 18 mục hỏi về thực trạng và 5 mục hỏi về những khó

khăn, trở ngại của sinh viên khi học tập giáo dục thể chất.

2. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đánh giá thực trạng công tác GDTC của Trường ĐHPVĐ chưa cao chỉ ở mức trung bình. Kết quả thống kê những trở ngại khó khăn của sinh viên khi học GDTC, kết quả cụ thể như sau: Về các điều kiện đảm bảo: Nội dung chương trình không đa dạng, hấp dẫn; giờ học thiếu hứng thú, mật độ vận động chưa cao được sinh viên đánh giá trên mức ảnh hưởng (trung bình = 4.23); Về bản thân SV được đánh giá ở mức không ảnh hưởng đến bình thường (trung bình = 2.58); trong đó hai mục hỏi sợ đau hoặc mắc phải chấn thương và không có kinh phí được SV đánh giá mức trên trung bình; còn hai mục hỏi không đủ sức khỏe (trung bình = 1.45) gần mức không ảnh hưởng và không thích tham gia hoạt động TDTT được đánh giá gần mức không ảnh hưởng (trung bình = 2.23).

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2000), *Lý luận và phương pháp thể dục thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội.
2. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Tập 1*, NXB Hồng Đức.
3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Tập 2*, NXB Hồng Đức.
4. Đỗ Vĩnh, Huỳnh Trọng Khải, (2008), *Thống kê học trong thể dục thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội.
5. Đỗ Vĩnh, Trịnh Hữu Lộc, (2010), *Giáo trình Đo lường Thể thao*, NXB TDTT, Hà Nội.

**Nguồn bài báo:** Nguyễn Hoàng Duy (2022-2023), Bài báo được trích từ đề tài NCKH cấp cơ sở: “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng GDTC cho sinh viên trường Đại học Phạm Văn Đồng”.

Ngày nhận bài: 30/8/2022; Ngày đánh giá: 9/9/2022; Ngày duyệt đăng: 04/12/2022